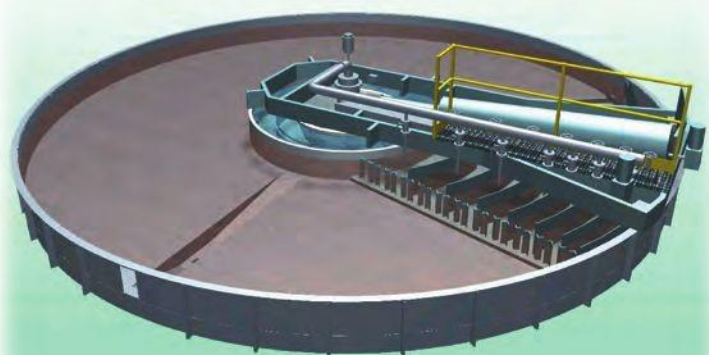


Supercell™

Thiết bị tích hợp keo tụ tạo bông kết hợp lắng, xử lý vi sinh và cô đặc bùn dành cho lưu lượng lớn (5 trong 1)



Mô hình phân phối nước "zero velocity" cho phép quá trình lắng diễn ra rất tốt cho lưu lượng lớn với sự xáo trộn rất nhỏ trong bể có mực nước chỉ sâu 400mm.

Ưu điểm :

- Thời gian lưu nước **3 phút** thấp hơn **30 lần** so với công nghệ truyền thống có thời gian lưu nước từ **1,5h**.
- Công nghệ lắng ngược giúp **giảm 50%** lượng bùn hóa lý sinh ra với độ ẩm **thấp hơn 2 lần** so với công nghệ truyền thống.
- Bể rất cạn, chỉ **950 mm** với mực nước trong bể là **400 mm**.
- Hiệu suất xử lý cao với lượng tiêu thụ polymer vừa phải dựa trên mô hình "zero velocity".
- Tải trọng thấp, chỉ **700 kg/m²**.
- Hiệu quả xử lý Photpho tổng đạt đến **90%**.
- Hiệu suất xử lý vi sinh vật đạt đến **94%** mà không cần dùng đến hóa chất khử trùng như công nghệ truyền thống.
- Hóa chất châm trực tiếp vào đường ống. Không cần bể khuấy trộn vào tạo bông như các sản phẩm khác.

Ứng dụng :

- Thu hồi bột giấy và xử lý nước thải trong ngành công nghiệp giấy chỉ dùng polymer và không cần dùng hóa chất keo tụ PAC.
- Giải pháp tuyệt vời cho xử lý nước thải công nghiệp có lưu lượng lớn.
- Xử lý bậc 3: Photpho tổng, vi sinh vật, COD...

" Double Rotary Joint" (Khớp nối quay kép) là phương án được đề nghị cho những công trình lớn nhằm cải thiện sự phân bố của áp suất, tránh được sự kết tụ bọt khí và bị hao hụt khí do truyền dẫn kém hay nhiệt độ nước thải thấp.

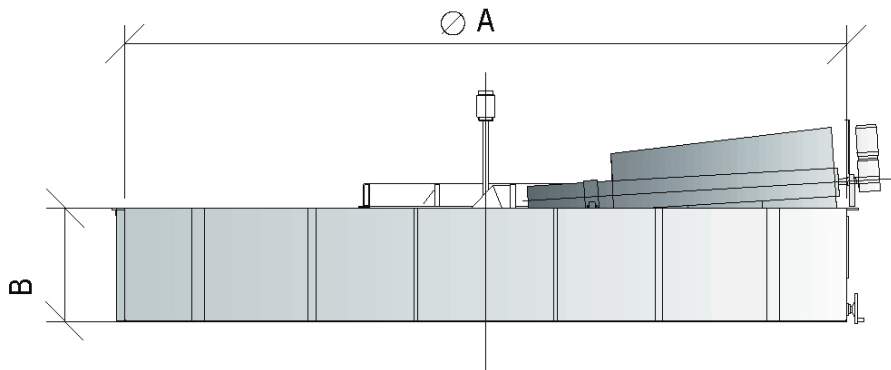
SUPERCCELL có sẵn 19 cỡ với công suất từ **384 đến 60.000 m³/ngày**



SPC 27 - Xử lý nước thải thủy tinh



SPC 70 - Xử lý nước thải nhà máy giấy



* Lưu lượng tối đa bao gồm lưu lượng tuần hoàn phụ thuộc vào tải trọng chất thải rắn lơ lửng và ứng dụng

Chủng loại	Lưu lượng max (m ³ /ngày) *	Động cơ gáo vớt bùn (kW)	Động cơ trục quay (kW)	Đường kính A (mm)	Chiều cao B (mm)	Trọng lượng bể đầy nước (tấn)
SPC 6	384	0,25	0,25	1850	755	2,2
SPC 8	816	0,25	0,25	2500	850	4
SPC 10	1.440	0,37	0,37	3200	850	6,4
SPC 12	2.160	0,55	0,55	3900	900	9,1
SPC 15	2.880	0,75	0,75	4500	950	13
SPC 18	4.320	0,75	0,75	5500	950	20
SPC 20	5.280	1,1	1,1	6100	950	23
SPC 22	6.336	1,1	1,1	6700	950	27,5
SPC 24	7.320	1,5	1,5	7200	950	31,5
SPC 27	9.264	1,5	1,5	8100	950	42,5
SPC 30	11.448	2,2	2,2	9000	950	49
SPC 33	14.112	2,2	2,2	10000	950	62,5
SPC 36	17.088	2,2	2,2	11000	950	75,5
SPC 40	21.024	2,2	2,2	12200	950	90
SPC 44	25.344	3	3	13400	980	108
SPC 49	30.960	4	4	14800	980	135
SPC 55	39.840	4	4	16700	1050	185
SPC 62	48.000	4	4	18900	1050	245
SPC 70	60.000	5,5	5,5	21300	1050	300

Copyright KWI International Environmental Treatment GmbH. All Rights Reserved. No part of this material and/or brochure/catalogue may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted in any form or by any means, electronic, mechanical, photo-copying, recording or otherwise, without the prior permission of KWI International Environmental Treatment GmbH. All trademark, marks, indicia, logo, trade name, brand name contain in this brochure/catalogue belong to KWI International Environmental Treatment GmbH.

KWI Vietnam

Green Eye Environmental Co.,Ltd

Add : 100-102 Điện Biên Phủ, P. Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM

Tel : (028) 38279706 - Fax : (028) 38279707

Email : kwi@gree-vn.com

Website : www.gree-vn.com

Facebook: www.facebook.com/KWI.Vietnam



www.kwi-intl.com



ISO 9001 / 14001 CERTIFIED

Copyright 2017 © KWI International Environmental Treatment GmbH. All Rights Reserved.

No part of this material and/or brochure/catalogue may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording or otherwise, without the prior permission of KWI International Environmental Treatment GmbH.

All trademark, marks, indicia, logo, trade name brand name contain in this brochure/catalogue belong to KWI International Environmental Treatment GmbH.